

BÃY THU NHẬP TRUNG BÌNH - NHẬN DIỆN VÀ GIẢI PHÁP Ở VIỆT NAM

• ThS. Ngô Thanh Phong(*)

Tóm tắt

Sau gần 30 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu nhất định trên tất cả các lĩnh vực, đời sống người dân không ngừng được nâng cao. Thành tựu nổi bật nhất trong giai đoạn này là đưa Việt Nam thoát khỏi nước có thu nhập thấp, bước vào nhóm nước có thu nhập trung bình. Tuy nhiên, nhiều vấn đề đặt ra cho Việt Nam, nhất là thách thức vượt qua bẫy thu nhập trung bình. Bài viết phân tích thực trạng nền kinh tế Việt Nam sau những năm đầu đạt ngưỡng thu nhập trung bình, trên cơ sở đó cho thấy Việt Nam có những dấu hiệu của bẫy thu nhập trung bình và đề xuất một số giải pháp giúp Việt Nam tránh bẫy thu nhập trung bình.

Từ khóa: bẫy thu nhập trung bình, Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Trong giai đoạn phát triển kinh tế từ năm 2001 đến năm 2010, Việt Nam nhận được nhiều sự hỗ trợ từ bên ngoài thông qua các nguồn vốn vay, viện trợ của các tổ chức. Đặc biệt, từ năm 1993 đến năm 2011, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) đã phê duyệt 105 khoản vay trị giá gần 9,4 tỉ USD, một khoản bảo lãnh trị giá 325 triệu USD, 246 dự án hỗ trợ kỹ thuật tương đương 202 triệu USD... Trong năm 2010, Việt Nam nhận được nguồn vốn ODA kỷ lục gần 8 tỉ USD để tiếp tục đầu tư phát triển kinh tế xã hội [1].

Nhờ nguồn lực trên, từ năm 2008, Việt Nam đã thoát khỏi nước có thu nhập thấp, bước vào nhóm nước có thu nhập trung bình. Đây là thành tựu nổi bật nhất trong phát triển kinh tế giai đoạn 2001-2010. Tốc độ tăng trưởng bình quân 7,2%/năm. Tuy nhiên, theo Tiến sĩ Trần Đình Thiên, Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam, bất cập lớn của nền kinh tế nước ta chính là nền kinh tế chủ yếu dựa vào tài nguyên, gia công và lắp ráp, chất lượng tăng trưởng không cao, năng suất thấp, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn yếu, chất lượng nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng trở thành điểm nghẽn, cản trở sự phát triển. Bên cạnh đó, những thách thức thu hẹp dần về khoảng cách và trình độ phát triển so với các nước trong khu vực đang đặt ra, đặc biệt là thách thức vượt qua bẫy thu nhập trung bình [2]. Trong bối cảnh này, việc tiến hành nghiên cứu và đề xuất các giải pháp để Việt Nam tránh bẫy thu nhập trung bình là một

nhệm vụ cần thiết và cấp bách.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Nhận diện bẫy thu nhập trung bình

Bẫy thu nhập trung bình là một thuật ngữ được đề cập rất nhiều trên các phương tiện thông tin đại chúng. Theo Bách khoa toàn thư mở Wikipedia, “Bẫy thu nhập trung bình là một tình trạng trong phát triển kinh tế khi mà một quốc gia đạt đến một mức thu nhập bình quân nhất định (do những lợi thế sẵn có) và giậm chân tại mức thu nhập ấy mà không thể vượt qua ngưỡng đó để trở nên giàu có hơn”.

Theo Ngân hàng thế giới, “bẫy thu nhập trung bình xảy ra khi một nước bị mắc kẹt trong 42 năm không vượt qua được ngưỡng thu nhập bình quân đầu người cơ bản từ 4.000 - 6.000 USD/năm mà nước này đạt được nhờ có nguồn tài nguyên và những lợi thế ban đầu nhất định (chỉ có may mắn mà không có nỗ lực). Các nước bị rơi vào bẫy thu nhập trung bình thường có tỉ lệ đầu tư thấp, ngành chế tạo phát triển chậm, các ngành công nghiệp ít đa dạng và thị trường lao động kém sôi động”.

Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế, “bẫy thu nhập trung bình chính là tình trạng một nước có thu nhập trung bình không vươn lên được nhóm có thu nhập cao, tăng trưởng đình trệ, với mức lương tăng lên trong khi tính cạnh tranh về giá cả hàng hóa giảm xuống, khó có thể cạnh tranh với các nền kinh tế đã phát triển về công nghệ tối tân hay với các nền kinh tế có mức lương thấp hơn trong việc sản xuất hàng hóa giá rẻ”.

Như vậy, bẫy thu nhập trung bình xảy ra khi

(*) Trường Đại học Tiền Giang.

một quốc gia phát triển chững lại hay thậm chí là trì trệ sau khi đạt được một mức thu nhập trung bình. Vấn đề này thường nảy sinh với các nền kinh tế đang phát triển khi tính cạnh tranh về giá cả hàng hóa giảm xuống, khó có thể cạnh tranh với các nền kinh tế đã phát triển về công nghệ tối tân. Trên thế giới hiện nay, có rất nhiều nước đã rơi vào bẫy thu nhập trung bình và chưa thoát khỏi cái bẫy đó. Trong số 113 nước thuộc nhóm thu nhập trung bình năm 1960, đến nay chỉ có 13 nước (chiếm 12,5%) vượt thành công để trở thành nước có thu nhập cao, tiêu biểu là Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan. Như vậy, trong tiến trình phát triển, Việt Nam cũng như các nước khác phải đối mặt với nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình và chúng ta cần một khoảng thời gian nhất định để vượt qua và trở thành nước có thu nhập cao.

2.2. Thực trạng nền kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây

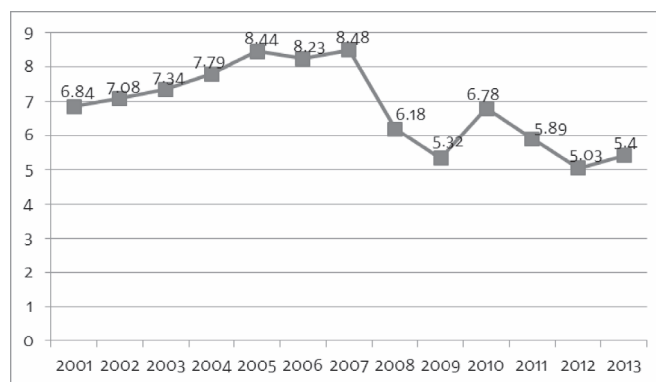
Thứ nhất, tăng trưởng GDP của Việt Nam chậm lại

Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng GDP chững lại cho thấy Việt Nam đang trải qua thời kỳ tăng trưởng kinh tế chậm so với trước đây. Từ khi bước vào nhóm nước có mức thu nhập trung bình (năm 2008) đến nay, nền kinh tế Việt Nam từ tốc độ tăng trưởng 8,23% năm 2006 đã tụt xuống còn 5,32% năm 2009 và duy trì mức thấp cho đến nay (năm 2013, tăng trưởng GDP chỉ đạt 5,4%) vì các nhân tố tăng trưởng theo chiều rộng đã tới giới hạn và các động lực phát triển theo chiều sâu còn mờ nhạt hoặc thiếu vững chắc. Động lực mà những cải cách trước đây tạo ra đã không còn đủ mạnh và cần có thêm động lực mới. Năng lực cạnh tranh cả cấp vĩ mô và vi mô đều chậm được cải thiện. Chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả, các cân đối vĩ mô chưa vững chắc, chất lượng nguồn nhân lực... vẫn là điểm nghẽn cản trở sự phát triển. Hệ quả là không chỉ tăng trưởng GDP giảm mà Việt Nam đang tụt hậu về thu nhập bình quân đầu người so với các nước trong khu vực.

Thứ hai, thu nhập bình quân đầu người vẫn duy trì ở mức thấp

Theo WB, những nước có thu nhập bình quân đầu người dưới 975 USD là thuộc nhóm thu nhập

thấp, trong khoảng từ 976 USD - 3.855 USD thuộc nhóm thu nhập trung bình thấp, từ 3.856 USD - 11.905 USD thuộc nhóm thu nhập trung bình cao, trên 11.906 USD là nhóm thu nhập cao. Từ khi bước vào nhóm nước có thu nhập trung bình (năm 2008) đến nay, thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam tăng chậm, đến năm 2013 thu nhập bình quân đầu người ở Việt Nam đứng thứ 7 tại ASEAN, đạt 1.908 USD/người/năm, chỉ cao hơn Campuchia, Lào và Myanmar, bằng 1/3 so với Thái Lan và 1/5 so với Malaysia.



Hình 1. Tăng trưởng GDP của Việt Nam thời kỳ 2001 - 2013

Thứ ba, năng suất lao động ở Việt Nam giảm đi trong những năm gần đây

Theo số liệu của Tổ chức Lao động Quốc tế, năng suất lao động của Việt Nam năm 2013 thuộc nhóm thấp nhất Châu Á - Thái Bình Dương, thấp hơn Singapore, Nhật và Hàn Quốc lần lượt là 15 lần, 11 lần và 10 lần. Ngay cả so với các nước ASEAN có mức thu nhập trung bình, theo Tiến sĩ Nguyễn Đình Cung, Viện trưởng Viện Nghiên cứu và Quản lý Kinh tế Trung ương, năng suất lao động của Việt Nam vẫn có khoảng cách lớn, năng suất lao động của Việt Nam chỉ bằng 1/5 so với Malaysia, 2/5 so với Thái Lan và 1/2 so với Indonesia. Đáng chú ý là hiện tốc độ tăng của năng suất lao động ở Việt Nam đang giảm đi. Trong giai đoạn 2002 - 2007, năng suất lao động tăng trung bình 5,2%/năm, mức cao nhất trong khu vực. Tuy nhiên, kể từ khi Việt Nam bước vào nhóm nước có mức thu nhập trung bình năm 2008, tốc độ tăng năng suất trung bình hàng năm của Việt Nam chậm lại, chỉ còn 3,3%/năm.

Thứ tư, chuyển dịch cơ cấu ở Việt Nam chỉ mang tính hình thức

Sau 30 năm đổi mới, cơ cấu kinh tế Việt Nam

vẫn là khai thác tài nguyên, gia công dệt may, da giày và lắp ráp. Việt Nam xuất khẩu 65% là hàng chế biến chế tạo, nhưng hầu hết là xuất khẩu của khu vực FDI. Tỷ trọng xuất khẩu của khu vực FDI trong tổng kim ngạch xuất khẩu có xu hướng ngày càng tăng, cụ thể năm 2010 đạt 54,1%, năm 2011 đạt 56,9%, năm 2012 đạt 64% và năm 2013 đạt 66,9%. Riêng năm 2014, xuất khẩu của khối ngoại đã đạt 101,59 tỷ USD, tăng 15,2% so với năm 2013 và chiếm 68% kim ngạch xuất khẩu, đây là mức cao nhất từ trước đến nay [5]. Trong khi các doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu vẫn chỉ xuất khẩu được hàng dệt may, da giày, nông sản... Nên một phần quan trọng trong tăng trưởng của Việt Nam không phải do bản thân Việt Nam làm ra mà từ nguồn lực bên ngoài.

Thứ năm là Việt Nam đã bị trì trệ trong các bảng xếp hạng toàn cầu

Tại các xếp hạng toàn cầu như năng lực cạnh tranh của Diễn đàn Kinh tế thế giới năm 2014, theo đó, Việt Nam xếp thứ 68 trên 144 quốc gia. Tuy tăng 2 bậc trên bảng xếp hạng toàn cầu (so với năm 2013) phản ánh Chính phủ Việt Nam thời gian qua đã có những giải pháp tích cực, như việc ra các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, tháo gỡ khó khăn khi vay vốn ngân hàng... nhưng với thứ hạng này, Việt Nam ít có cải thiện hơn những quốc gia khác và khoảng cách với các quốc gia láng giềng ngày một lớn. Cụ thể, xếp hạng của Việt Nam đang kém Singapore tới 66 bậc, thua Malaysia 48 bậc, kém Thái Lan 37 bậc và thậm chí vẫn còn thấp hơn lần lượt 34 bậc và 16 bậc so với Indonesia và Philippines [3].

Với thực trạng nền kinh tế nêu trên, cho thấy Việt Nam đã có những dấu hiệu rơi vào bẫy thu nhập trung bình khi nền kinh tế tăng trưởng chậm, thu nhập bình quân đầu người thấp, năng suất lao động kém, trì trệ trong các bảng xếp hạng toàn cầu... Tuy nhiên, chúng ta chưa đủ cơ sở để kết luận Việt Nam đã rơi vào bẫy thu nhập trung bình, vì Việt Nam chỉ mới gia nhập nhóm nước thu nhập trung bình cách đây hơn 6 năm và khi vừa bước chân vào nhóm thu nhập trung bình, Việt Nam lại chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu (năm 2008); và hiện nay, Việt Nam đang chủ động điều chỉnh tốc độ tăng trưởng chậm lại để đẩy mạnh tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi

mô hình tăng trưởng chủ yếu từ chiều rộng sang chiều sâu, đảm bảo bình ổn vĩ mô, kiểm chế lạm phát. Từ đó, Việt Nam sẽ phát triển nhanh và bền vững hơn trong thời gian tới, tạo đà vượt bẫy thu nhập trung bình.

2.3. Giải pháp giúp Việt Nam tránh bẫy thu nhập trung bình

Bẫy thu nhập trung bình là một chướng ngại mà bất kỳ quốc gia nào cũng phải trải qua trong quá trình phát triển kinh tế. Thời gian cần thiết để các quốc gia có thể vượt qua bẫy thu nhập trung bình phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Nhiều chuyên gia kinh tế cho rằng giai đoạn 2015-2020 là giai đoạn thuận lợi để các nước, trong đó có Việt Nam, phục hồi và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, vượt bẫy thu nhập trung bình. Hơn nữa, xu hướng tự do hóa di chuyển các nguồn lực sang khu vực phát triển năng động như Châu Á-Thái Bình Dương đang diễn ra. Do đó, Việt Nam có cơ hội tận dụng một khối lượng lớn các nguồn lực chất lượng cao của thế giới để cất cánh, phát triển và vượt qua bẫy thu nhập trung bình. Một trong những lợi thế là Việt Nam đang bước vào thời kỳ dân số vàng. Nghĩa là tổng tỷ suất người phụ thuộc (người ngoài độ tuổi 15 - 64) thấp dưới 1/2 so với số người trong độ tuổi 15 - 64 (lực lượng có khả năng lao động chính). Theo dự báo, thời kỳ dân số vàng của Việt Nam sẽ kéo dài khoảng 30 năm. Yếu tố “dân số vàng” có thể xem là một cơ hội tốt đối với phát triển nếu phát huy được ưu thế của nguồn nhân lực. Dân số vàng cùng mức thu nhập bình quân đầu người đã đạt gần 2.000 USD và đang tiếp tục tăng nhanh sẽ làm tăng mức cầu đối với mặt hàng tiêu dùng và các loại dịch vụ đi kèm trong tương lai gần [7].

Một số quốc gia ở Đông Nam Á, bao gồm Thái Lan, Indonesia và Philippines đã phải gánh chịu nhiều vấn đề về kinh tế và xã hội khi rơi vào bẫy thu nhập trung bình. Tăng trưởng không chỉ là về các chính sách kinh tế vĩ mô, nếu không có một khuôn khổ về thể chế để tiếp tục thúc đẩy đổi mới, sáng tạo và hoạt động kinh tế mới có giá trị gia tăng cao hơn, bao gồm việc được tiếp cận một cách bình đẳng đến các chính sách, các hệ thống giáo dục và đào tạo nghề - các nền kinh tế đó sẽ trì trệ. Chúng ta không thể tăng trưởng chạy theo số lượng, dựa vào vốn vay, nguồn tài trợ

ODA, FDI... mà quên đi sự bền vững dựa vào năng suất, chất lượng. Bởi theo Tiến sĩ Lưu Bích Hồ, họ chỉ chuyển giao công nghệ cao có 5 - 6%, 75 - 80% là công nghệ trung bình, 14 - 15% là công nghệ thấp kém [2].

Nhiều nước đạt tới mức thu nhập trung bình từ lâu như Thái Lan (trên 5.000 USD), Malaysia, Nam Phi, Brazil (trên 10.000 USD) mà vẫn chưa thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình. Theo dự báo của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế công bố vào trung tuần tháng 12/2013, để từ một nước có thu nhập trung bình trở thành một quốc gia có thu nhập cao, Indonesia có thể phải mất tới 50 năm (từ năm 1990 đến năm 2042), tức sẽ chậm hơn rất nhiều so với các nước như Malaysia, dự kiến sẽ lọt vào nhóm nước thu nhập cao vào năm 2020, Trung Quốc (năm 2026) và Thái Lan (năm 2031), song nhanh hơn một số nước láng giềng châu Á khác, như Philippines (năm 2051), Ấn Độ (năm 2059). Những nước như Brazil, Ấn Độ hay Nam Phi hiện vẫn đang loay hoay tìm lối thoát nhanh khỏi bẫy thu nhập trung bình [4]. Trong khi đó, nhiều lãnh đạo của Indonesia cũng cho rằng, với mức thu nhập bình quân khoảng 5.170 USD/năm/người hiện nay, Indonesia sẽ không bao giờ trở thành một quốc gia tiên tiến nếu tiếp tục phụ thuộc vào nguồn tài nguyên thiên nhiên của mình và mức lương lao động thấp. Vì vậy, Indonesia cần phải phát triển nguồn nhân lực và đổi mới công nghệ để tăng năng suất, con đường như Hàn Quốc đã thực hiện thành công trong 15 năm. Đặc biệt, cần chú trọng đến những chính sách và biện pháp, kể cả trợ cấp thuế, nhằm khuyến khích các công ty tiến hành nghiên cứu và phát triển, cải cách cơ cấu cho dù đây là một quá trình lâu dài và không dễ dàng, đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm và dịch vụ có giá trị gia tăng cao, đồng thời thu hẹp khoảng cách phát triển và chênh lệch thu nhập giữa các vùng trong cả nước, nhất là giữa thành thị và nông thôn.

Thực tế trên cho thấy, để tránh rơi vào bẫy thu nhập trung bình, Việt Nam cần chú trọng triển khai đồng bộ hệ thống các giải pháp, trong đó nổi bật là:

Thứ nhất, Chính phủ cần tập trung vào đầu tư phát triển và chuyển giao khoa học - công nghệ để nâng cao năng suất người lao động. Đây là hai

yếu tố căn bản để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhưng hiện nay vẫn còn yếu tại Việt Nam. Nguyên nhân của tình trạng năng suất lao động ở Việt Nam thấp là do lao động chưa được đào tạo phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp, thể lực người lao động kém, kỹ năng yếu, kỹ thuật và công nghệ sản xuất thấp... Theo đó, để cải thiện năng suất lao động cần phải khắc phục những mặt yếu kém này, phải củng cố nguồn nhân lực, tăng cường thể chất, kỹ năng và trình độ người lao động, áp dụng kỹ thuật và công nghệ sản xuất tiên tiến. Tuy nhiên, hiện nay đầu tư cho khoa học - công nghệ ở Việt Nam là rất ít so với nhu cầu, mức đầu tư cho nghiên cứu chỉ chiếm 0,2% GDP và hiệu quả đầu tư chưa cao. Với trình độ khoa học - công nghệ ở Việt Nam hiện nay, không nên yêu cầu có công nghệ cao ngay, mà nên đi từ công nghệ phù hợp với năng lực của mình và học hỏi công nghệ của các nước, từ đó tạo liên kết để phát triển cao hơn.

Thứ hai, nguồn lao động phải được đa dạng hóa được đào tạo và có tay nghề cao sẽ là nền tảng cơ bản để cải tiến nhanh chóng công nghệ và chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Khó khăn lớn nhất của việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu chính là chuyển từ tăng trưởng dựa vào tài nguyên sang sự tăng trưởng dựa vào năng suất cao và sự đổi mới. Nhưng điểm yếu của Việt Nam hiện tại là thiếu lao động có kỹ năng, có năng suất, hiệu quả và thiếu cả lực lượng quản lý. Vì vậy, cần phải đầu tư vào lĩnh vực giáo dục nguồn nhân lực để đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nghề ưu tiên cho người lao động. Nếu mục tiêu này không thành công thì không thể đạt được các mục tiêu khác. Để làm được điều này, chúng ta cần cải thiện hệ thống giáo dục, để giáo dục thành một môi trường hấp dẫn, thu hút được các giảng viên giỏi của thế giới.

Thứ ba, Chính phủ cần định hướng và hỗ trợ doanh nghiệp chủ động đầu tư nghiên cứu thị trường và tìm ra thị trường mới, thị trường tiềm năng để tạo ra giá trị gia tăng cho các doanh nghiệp, duy trì xuất khẩu. Bên cạnh việc chú trọng khai thác thị trường nội địa để thúc đẩy tăng trưởng thì tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu là giải pháp cần được triển khai cho các doanh nghiệp. Doanh nghiệp cần bám sát thị trường, khách hàng xuất khẩu hiện có, làm tốt công tác

chăm sóc khách hàng để giữ vững những thị trường xuất khẩu truyền thống. Tập trung khai thác thế mạnh làm hàng chất lượng cao để tăng giá trị gia tăng, giao hàng đúng hạn và nhất là đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn môi trường là những lợi thế để doanh nghiệp giữ chân khách hàng truyền thống và thu hút khách hàng mới. Ngoài các thị trường truyền thống, các doanh nghiệp cũng cần năng động tìm kiếm thị trường khác mà Việt Nam có lợi thế, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến nghiên cứu thị trường ngoài nước để tìm ra những cơ hội và những rào cản về kinh tế - kỹ thuật đối với các ngành nghề. Như chúng ta cần có chiến lược tiếp cận với thị trường Nhật Bản để khai thác tốt Hiệp định Đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản trong việc hợp tác phát triển các ngành như đóng tàu, công nghiệp ô tô, công nghệ môi trường, điện tử... Hơn nữa, để ngành công nghiệp bắt kịp các nước tiên tiến, chúng ta không nên bảo hộ, thay vào đó phải dành cơ hội cho họ học hỏi, rút kinh nghiệm; tạo thuận lợi để đột phá ở những phân khúc có giá trị cao, ngành mới xuất hiện góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Bên cạnh đó, để nền kinh tế Việt Nam có được sức bật mạnh mẽ hơn nữa trong thời gian tới,

bên cạnh các giải pháp ngắn hạn, phải thực hiện các giải pháp dài hạn, quyết liệt tái cơ cấu nền kinh tế, đặc biệt là tái cơ cấu các ngành sản xuất để tăng năng lực cạnh tranh cho từng ngành và cho toàn nền kinh tế... nhờ đó sẽ phát triển nhanh và bền vững hơn trong tương lai, tạo đà vượt bẫy thu nhập trung bình.

3. Kết luận

Nếu như trước đây, tăng trưởng kinh tế chỉ tập trung vào tăng trưởng vốn, tài nguyên, lao động giá rẻ, giúp Việt Nam thoát nghèo và bước vào nhóm nước có mức thu nhập trung bình thì hiện nay mô hình tăng trưởng này đã bộc lộ nhiều bất cập và không còn phù hợp. Việt Nam đang ngày càng hội nhập sâu với thế giới thông qua việc tham gia nhiều hiệp định thương mại đa phương, song phương như hiệp định thương mại tự do với Liên minh châu Âu (EU), Hàn Quốc, Nhật Bản, ASEAN và thỏa thuận đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Tuy nhiên, những ưu đãi từ các hiệp định cũng không còn nhiều dư địa để phát triển. Do đó, điểm mạnh nhất của Việt Nam chính là con người, nếu khai thác tốt sẽ có đột phá và tăng trưởng mạnh, giúp Việt Nam tránh bẫy thu nhập trung bình./

Tài liệu tham khảo

- [1]. Ban Kinh tế Trung ương (2011), *Hội nghị Cấp cao về kinh doanh tại Việt Nam (Hội nghị Thường niên ADP lần 44)*, Hà Nội, ngày 3/5/2011.
- [2]. Ban Kinh tế Trung ương (2014), *Hội thảo Tránh bẫy thu nhập trung bình ở Việt Nam*, Hà Nội, ngày 15/4/2014.
- [3]. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2014), *Hội thảo Khởi tạo động lực tăng trưởng mới: Tăng cường liên kết doanh nghiệp khối FDI với doanh nghiệp nội địa*, Hà Nội, ngày 26/3/2014.
- [4]. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2014), *Diễn đàn Phát triển châu Á, lần 5: Những thách thức và chiến lược hướng tới phát triển bền vững Châu Á*, Hà Nội, ngày 19/9/2014.
- [5]. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2014), *Báo cáo Cục đầu tư nước ngoài năm 2014*.
- [6]. Nguyễn Mại (2014), “Việt Nam đang vướng bẫy thu nhập trung bình”, *Thời Báo Doanh nhân Sài Gòn*, ngày 15/9/2014.

MIDDLE INCOME TRAP - IDENTIFICATION AND SOLUTIONS IN VIETNAM

Summary

After nearly 30 years of renovation, Vietnam has made certain achievements in all fields, the lives are constantly being improved. The most outstanding achievement during this period is that Vietnam no longer lies in low-income countries, and finds itself in middle - income ones. However, it is faced by many problems, especially the challenge to overcome the middle income trap. The paper analyzes Vietnam's current economy after the first years of middle-income threshold; thereby it warns that Vietnam is likely to fall in the middle income trap, and proposes some solutions to help Vietnam stay away from this trap.

Keywords: middle-income trap, Vietnam.